

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-7- 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Hải;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2019/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1963; nơi cư trú: tổ 1, ấp 2, xã Suối N, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Ngô Thị T, sinh năm 1963; nơi cư trú: tổ 1, ấp 2, xã Suối N, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn, ngày 27 tháng 3 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà T chung sống với nhau vào năm 1982, đến năm 2012 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Suối Ngô. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ nghi ngờ ông có mối quan hệ với người phụ nữ khác, từ đó dẫn đến gây gổ, cãi vã. Đến năm 2019 thì bà T bỏ ra ở riêng. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Sinh được 02 người con tên Nguyễn Văn Biên, sinh năm 1984 và Nguyễn Văn Thì, sinh năm 1986. Nay do 02 cháu đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không thiếu nợ ai.

Trong quá trình làm việc bị đơn bà Ngô Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông H chung sống vào năm 1981 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Suối Ngô. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H có mối quan hệ với người phụ nữ khác về nhà kiếm chuyện gây gỗ. Nay bà đồng ý ly hôn với ông H.

Về con chung: Sinh được 02 người con tên Nguyễn Văn Biên, sinh năm 1984 và Nguyễn Văn Thì, sinh năm 1986. Nay do 02 cháu đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không thiếu nợ ai.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn H đối với bà Ngô Thị T.

- Về con chung: Đã trên 18 tuổi, nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung: Ghi nhận ông H, bà T không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông H, bà T trình bày không thiếu nợ ai.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà T là bị đơn vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

[3] Về nội dung vụ án: Ông H yêu cầu được ly hôn với bà T với lý do bà T nghi ngờ ông có mối quan hệ với người phụ nữ khác về nhà kiếm chuyện gây gỗ. Quá trình làm việc bà T thừa nhận vợ chồng có chuyện gây gỗ. Nay ông H yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý ly hôn. Xét thấy ông H, bà T thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên ghi nhận.

[4] Về con chung: Sinh được 02 người con đã trên 18 tuổi nên ông H, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Ghi nhận ông H, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông H, bà T trình bày không thiếu nợ ai.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận ông Nguyễn Văn H và bà Ngô Thị T tự nguyện thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận ông H, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận ông H, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông H, bà T trình bày không thiếu nợ ai.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0015187 ngày 01 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; ông H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Ông H có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng bà T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Minh Tuấn